

## KNOWLEDGE AND PRACTICE OF HPV VACCINATION AMONG ADULTS AGED 18-45 AT IMMUNIZATION CLINIC No.2 OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2024

Nguyen Huu Thang<sup>1\*</sup>, Nguyen Bich Ngoc<sup>1</sup>, Hoang Huyen Vy<sup>1</sup>, Le Huong Giang<sup>1</sup>  
Ha Thi Hang<sup>2</sup>, Lam Thi Lan Anh<sup>1</sup>, Nguyen Thi Hai Yen<sup>1</sup>, Trinh My Dinh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Institute of Preventive Medicine and Public Health, Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung,  
Dong Da district, Hanoi, Vietnam*

<sup>2</sup>*Datri News - 48/2 Giang Vo, Dong Da district, Hanoi, Vietnam*

Received: 14/4/2025

Revised: 16/4/2025; Accepted: 06/5/2025

### ABSTRACT

**Objective:** To determine knowledge, practice, and some related factors regarding HPV vaccination among adults at Immunization Clinic No.2 of Hanoi Medical University in 2024.

**Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 299 participants aged 18-45 at the vaccination clinic, Branch 2 of Hanoi Medical University, in 2024. The study used a questionnaire developed based on the Ministry of Health's HPV prevention guidelines and referenced previous studies by Le Van Hoi in 2020.

**Results:** The proportion of individuals with adequate knowledge about HPV vaccination among those aged 18-45 was low (24.41%). Individuals with sufficient knowledge had a higher vaccination rate (79.65%) compared to those with insufficient knowledge (20.35%) ( $p = 0.049$ ). The rate of recommending the vaccine to others among those with adequate knowledge was 91.78%, compared to 8.22% in the group with insufficient knowledge ( $p = 0.008$ ). Educational level and marital status were significantly associated with HPV vaccination knowledge ( $p < 0.05$ ). No significant association was found with age ( $p = 0.124$ ), occupation ( $p = 0.072$ ), or income ( $p = 0.238$ ).

**Conclusion:** Study results indicate that adults aged 18-45 do not have sufficient knowledge about HPV vaccination. Educational level and marital status are influencing factors in HPV vaccination knowledge. Individuals with adequate knowledge were more likely to complete the vaccination compared to those with insufficient knowledge.

**Keywords:** Knowledge, practice, HPV vaccine.

---

\*Corresponding author

**Email:** [nguyenhuuthang@hmu.edu.vn](mailto:nguyenhuuthang@hmu.edu.vn) **Phone:** (+84) 915313175 **https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD5.2481**

# KIẾN THỨC, THỰC HÀNH TIÊM VẮC-XIN NGỪA HPV Ở NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH 18-45 TUỔI TẠI PHÒNG TIÊM CHỦNG CƠ SỞ 2, TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2024

Nguyễn Hữu Thắng<sup>1\*</sup>, Nguyễn Bích Ngọc<sup>1</sup>, Hoàng Huyền Vy<sup>1</sup>, Lê Hương Giang<sup>1</sup>  
Hà Thị Hằng<sup>2</sup>, Lâm Thị Lan Anh<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hải Yến<sup>1</sup>, Trịnh Mỹ Định<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Báo Dân Trí - 48/2 Giảng Võ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận bài: 14/4/2025

Ngày chỉnh sửa: 16/4/2025; Ngày duyệt đăng: 06/5/2025

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến việc tiêm vắc-xin ngừa HPV ở người trưởng thành tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024.

**Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 299 người từ 18-45 tuổi tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi xây dựng dựa trên hướng dẫn dự phòng HPV của Bộ Y tế và tham khảo từ nghiên cứu trước của Lê Văn Hội năm 2020.

**Kết quả:** Tỷ lệ người có kiến thức đạt về tiêm phòng HPV từ 18-45 tuổi còn thấp (24,41%). Các đối tượng có kiến thức đạt có tỷ lệ đã tiêm vắc-xin chiếm tỷ lệ cao với 79,65% và 20,35% ở nhóm chưa đạt ( $p = 0,049$ ). Tỷ lệ giới thiệu vắc-xin cho những người khác ở nhóm đối tượng có kiến thức đạt chiếm tỷ lệ 91,78%, so với tỷ lệ 8,22% ở nhóm chưa đạt ( $p = 0,008$ ). Nhóm đối tượng có trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân có mối liên quan với kiến thức tiêm phòng HPV ( $p < 0,05$ ). Chưa ghi nhận thấy có mối liên quan với tuổi ( $p = 0,124$ ), nghề nghiệp ( $p = 0,072$ ) và thu nhập ( $p = 0,238$ ).

**Kết luận:** Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm người trưởng thành trong độ tuổi 18-45 chưa có đủ kiến thức cần thiết về tiêm phòng vắc-xin HPV. Trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân là yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức tiêm phòng HPV. Ở nhóm đối tượng có đầy đủ kiến thức cần thiết có tỷ lệ tiêm vắc-xin đầy đủ hơn nhóm đối tượng thiếu kiến thức cần thiết.

**Từ khóa:** Kiến thức, thực hành, vắc-xin HPV.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm human papilloma virus (HPV) gây ra khoảng 630.000 ca ung thư trên toàn thế giới, chiếm 5% tổng số ca ung thư, trong đó ung thư cổ tử cung là phổ biến nhất ở phụ nữ, gây ra khoảng 342.000 ca tử vong vào năm 2020 [1].

Trên thế giới, các nghiên cứu chỉ ra rằng việc có kiến thức, thực hành và thái độ đối với việc tiêm vắc-xin phòng HPV là vô cùng quan trọng. Theo một nghiên cứu tại Trung Quốc, chỉ có 28,85% phụ nữ tại Trung Quốc từng nghe nói về HPV và một nửa trong nhóm phụ nữ này biết rằng HPV có liên quan đến ung thư cổ tử cung [2]. Tại Việt Nam, năm 2020 một nghiên cứu tại Cần Thơ cho thấy chỉ có 18,1% phụ nữ trong độ tuổi 15-49 có kiến thức đúng về vắc-xin HPV, tỷ lệ thực hành tiêm chủng đúng chỉ đạt 5,4% [3].

Nam giới cũng không nằm ngoài nguy cơ, ước tính 91% nam giới hoạt động tình dục sẽ bị nhiễm HPV vào

một thời điểm nào đó trong cuộc đời [4]. Ngoài ra, gần đây chưa có nghiên cứu nào cập nhật kiến thức, thực hành ở người trưởng thành. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu kiến thức, thực hành tiêm vắc-xin ngừa HPV ở người trưởng thành 18-45 tuổi tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024 với 2 mục tiêu chính: mô tả kiến thức, thực hành về tiêm vắc-xin ngừa HPV; và mô tả một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về tiêm vắc-xin ngừa HPV.

## 2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội (35 Lê Văn Thiêm, quận Thanh Xuân, Hà Nội) năm 2024.

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện trên người trưởng thành từ 18-45 tuổi tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y

\*Tác giả liên hệ

Hà Nội. Người tiêm chủng đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024 tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội.

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức chọn mẫu cho một tỉ lệ:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \times p \times (1 - p)/d^2$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần đạt trong nghiên cứu;  $Z^2_{1-\alpha/2}$  là mức độ chính xác của nghiên cứu cần đạt dự kiến 95% ( $\alpha = 0,05$ ), giá trị  $Z = 1,96$  thu được từ bảng Z; d là sai số tuyệt đối; p là tỉ lệ ước tính người trưởng thành có kiến thức hoặc thực hành tiêm chủng vắc-xin HPV.

Cỡ mẫu tối thiểu tính toán được là 231 người dựa trên kết quả nghiên cứu của Ngô Thị Huyền (2023), với tỉ lệ người đã tiêm phòng vắc-xin HPV là 18,5% [5]. Thực tế, chúng tôi thực hiện trên 299 khách hàng đến sử dụng dịch vụ tiêm chủng tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội.

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện, chọn những người đến sử dụng dịch vụ tiêm chủng tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội.

### 2.5. Biến nghiên cứu

- Biến độc lập: biến nhân khẩu học (tuổi, giới, dân tộc, tôn giáo, nơi cư trú, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân, mức thu nhập); cách đối tượng tiếp cận thông tin về vắc-xin HPV.

- Biến phụ thuộc: kiến thức, thực hành đối với vắc-xin HPV.

Để đánh giá kiến thức và thực hành, bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên hướng dẫn dự phòng HPV của Bộ Y tế và tham khảo từ nghiên cứu trước đó của Lê Văn Hội năm 2020 [6].

Nội dung kiến thức bao gồm 8 câu hỏi (tối đa 15 điểm): câu hỏi lựa chọn đơn 1 điểm/câu, câu hỏi nhiều lựa chọn thì mỗi lựa chọn đúng được 1 điểm, tổng điểm kiến thức chung dao động từ 0-15 điểm, tổng điểm kiến thức  $\geq 8$  điểm là đạt,  $< 8$  điểm là chưa đạt. Phần thực hành tiêm chủng vắc-xin gồm 8 câu hỏi, đánh giá thực hành (đã tiêm, chưa tiêm) về vắc-xin phòng HPV trên đối tượng. Đối với đối tượng chưa tiêm, chúng tôi đánh giá thêm về ý định tiêm vắc-xin (có/không) và sẵn sàng chi trả (có/không).

### 2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Các điều tra viên sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn để phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu cung cấp thông tin tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội. Sau đó, các giám sát viên là cán bộ của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng kiểm tra 5% trong tổng số phiếu để đảm bảo đầy đủ và chính xác.

### 2.7. Phân tích số liệu

Nhập số liệu, làm sạch số liệu bằng phần mềm Epidata 3.1; xử lý số liệu bằng phần mềm Excel và STATA 16. Thống kê mô tả bằng phân phối tần suất, tỉ lệ nhằm mô tả các đặc điểm cá nhân và mô tả, phân loại kiến thức và thực hành về tiêm vắc-xin phòng HPV của đối tượng nghiên cứu. Phân tích đơn biến để tìm mối liên quan giữa biến phụ thuộc là kiến thức, thực hành tiêm vắc-xin phòng HPV với các biến độc lập. Chọn mức ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

### 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng được giải thích đầy đủ về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Thông tin của đối tượng nghiên cứu được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Thông tin thu thập trung thực, khách quan. Các kết quả nghiên cứu sẽ được thông báo cho cơ sở nơi tiến hành nghiên cứu và có những khuyến nghị thích hợp.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

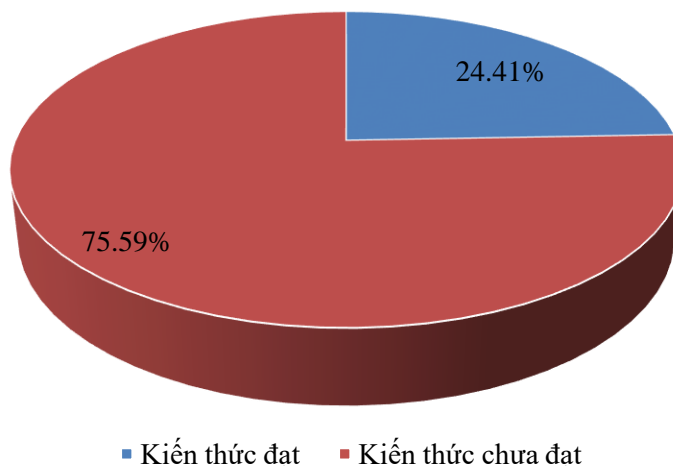
**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n = 299)**

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tuổi	< 30	161	53,85
	$\geq 30$	138	46,15
Trình độ học vấn	$\leq$ Trung học cơ sở	2	0,67
	Trung học phổ thông	30	10,03
	Trung cấp, cao đẳng	18	6,02
	$\geq$ Đại học	249	83,28
Nghề nghiệp	Công chức, viên chức	79	26,42
	Doanh nhân, buôn bán	55	18,39
	Sinh viên	56	18,39
	Khác	109	36,45

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	120	40,13
	Kết hôn	164	54,85
	Khác	15	5,02
Thu nhập	< 5 triệu đồng/tháng	52	17,39
	5-10 triệu đồng/tháng	57	19,06
	> 10 triệu đồng/tháng	190	63,55

Bảng 1 cho thấy, trong tổng số 299 người tham gia nghiên cứu, có hơn 50% dưới 30 tuổi, hơn 83% có học vấn đại học trở lên, hơn 54% đã kết hôn và hơn 63% có thu nhập trên 10 triệu/tháng.

### 3.1. Thực trạng kiến thức và một số yếu tố liên quan của đối tượng nghiên cứu



**Biểu đồ 1. Kiến thức về tiêm phòng HPV ở đối tượng trưởng thành 18-45 tuổi (n = 299)**

Tỉ lệ người từ 18-45 tuổi có kiến thức đạt về tiêm phòng HPV còn thấp với 73 người (24,41%), tỉ lệ người có kiến thức chưa đạt là 226 người (75,59%).

**Bảng 2. Mối liên quan giữa kiến thức và đặc điểm nhân khẩu học**

Đặc điểm		Kiến thức			p-value
		Đạt (n = 73)	Chưa đạt (n = 226)	Tổng (n = 299)	
Tuổi	< 30 tuổi	45 (61,64%)	116 (51,23%)	161 (53,85%)	0,124
	≥ 30 tuổi	28 (38,36%)	110 (46,15%)	138 (46,15%)	
Trình độ học vấn	≤ Trung học cơ sở	0	2 (0,88%)	2 (0,67%)	<b>0,042</b>
	Trung học phổ thông	2 (2,74%)	28 (12,39%)	30 (10,03%)	
	Trung cấp, cao đẳng	3 (4,11%)	15 (6,64%)	18 (6,02%)	
	≥ Đại học	68 (93,15%)	181 (80,09%)	249 (83,28%)	
Nghề nghiệp	Công chức, viên chức	18 (24,66%)	61 (26,99%)	79 (26,42%)	0,072
	Doanh nhân, buôn bán	17 (23,29%)	38 (16,81%)	55 (18,39%)	
	Sinh viên	19 (26,03%)	37 (16,37%)	56 (18,39%)	
	Khác	19 (26,03%)	90 (39,82%)	109 (36,45%)	
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	40 (54,79%)	80 (35,40%)	120 (40,13%)	<b>0,007</b>
	Đã kết hôn	32 (43,84%)	132 (58,41%)	164 (54,85%)	
	Khác	1 (1,37%)	14 (6,19%)	15 (5,02%)	
Thu nhập	< 5 triệu đồng/tháng	17 (23,29%)	35 (15,49%)	52 (17,39%)	0,238
	5-10 triệu đồng/tháng	15 (20,55%)	42 (18,58%)	57 (19,06%)	
	> 10 triệu đồng/tháng	41 (56,16%)	149 (65,93%)	190 (63,55%)	

Bảng 2 cho thấy mối liên quan giữa kiến thức và đặc điểm nhân khẩu học. Các yếu tố liên quan đến kiến thức bao gồm: trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân với  $p > 0,05$ ; nhóm đối tượng có trình độ học vấn đại học trở lên có tỉ lệ kiến thức đạt cao hơn các nhóm từ cao đẳng trở xuống (93,15%); nhóm đối tượng độc thân có tỉ lệ kiến thức đạt cao hơn so nhóm với đã kết hôn hoặc nhóm khác (54,79%). Chưa ghi nhận thấy có mối liên quan giữa kiến thức với tuổi ( $p = 0,124$ ), nghề nghiệp ( $p = 0,072$ ) và thu nhập ( $p = 0,238$ ).

**Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức và yếu tố tiếp cận thông tin**

Yếu tố tiếp cận thông tin		Kiến thức			p-value
		Đạt	Chưa đạt	Tổng	
Đã nghe về vắc-xin HPV	Có	59 (80,92%)	138 (61,06%)	197 (65,89%)	0,002
	Chưa	14 (19,18%)	88 (38,94%)	102 (34,11%)	
Nguồn thông tin về vắc-xin (nhiều lựa chọn)	Bác sĩ, nhân viên y tế	43 (58,90%)	43 (21,24%)	91 (30,43%)	< 0,001
	Internet, mạng xã hội	33 (45,21%)	73 (32,30%)	106 (35,45%)	0,045
	Gia đình, bạn bè	24 (32,88%)	49 (21,68%)	73 (24,41%)	0,053
	Báo chí	25 (34,25%)	28 (12,39%)	53 (17,73%)	< 0,001
Cơ sở tiêm chủng gần nhất thường sử dụng (nhiều lựa chọn)	Bệnh viện, phòng tiêm chủng dịch vụ	40 (85,11%)	70 (81,40%)	110 (82,71%)	0,928
	Trạm y tế xã/phường	2 (4,26%)	4 (4,65%)	6 (4,51%)	
	Khác	5 (10,46%)	12 (13,95%)	17 (12,78%)	

Bảng 3 cho thấy mối liên quan giữa kiến thức và yếu tố tiếp cận thông tin, thái độ. Các yếu tố liên quan đến kiến thức bao gồm: đã nghe về vắc-xin HPV, nguồn thông tin từ bác sĩ, nhân viên y tế và Internet, mạng xã hội. Những người đã nghe về vắc-xin HPV có tỉ lệ kiến thức đạt cao hơn những người có kiến thức chưa đạt với tỉ lệ 80,92%, những người đã nghe thông tin từ “bác sĩ, nhân viên y tế” có tỉ lệ kiến thức đầy đủ cao nhất với 58,9%.

**3.2. Một số yếu tố liên quan đến thực hành tiêm phòng của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 4. Mối liên quan giữa thực trạng tiêm phòng với các yếu tố nhân khẩu học**

Đặc điểm		Chưa tiêm	Đã tiêm	Tổng	p-value
Giới tính	Nam	89 (38,70%)	7 (10,14%)	96 (32,11%)	< 0,001
	Nữ	141 (61,30%)	62 (89,86%)	203 (67,89%)	
Tuổi	< 30 tuổi	111 (48,26%)	50 (72,46%)	161 (53,85%)	< 0,001
	≥ 30 tuổi	119 (51,74%)	19 (27,54%)	138 (46,15%)	
Trình độ học vấn	≤ Trung học phổ thông	30 (93,75%)	2 (6,25%)	32 (10,7%)	0,02
	Trung cấp, Cao đẳng	16 (88,89%)	2 (11,11%)	18 (6,02%)	
	≥ Đại học	184 (73,89%)	65 (26,11%)	249 (83,28%)	
Nghề nghiệp	Công chức, viên chức	63 (79,75%)	16 (20,25%)	79 (26,42%)	0,850
	Doanh nhân, buôn bán	42 (76,36%)	13 (23,64%)	55 (18,39%)	
	Sinh viên	41 (73,21%)	15 (26,79%)	56 (18,37%)	
	Khác	84 (77,06%)	25 (22,94%)	109 (36,45%)	
Thu nhập	< 5 triệu đồng/tháng	40 (76,92%)	12 (23,08%)	52 (17,39%)	0,387
	5-10 triệu đồng/tháng	40 (70,18%)	17 (29,82%)	57 (19,06%)	
	> 10 triệu đồng/tháng	150 (78,95%)	40 (21,05%)	190 (63,55%)	

Bảng 4 cho thấy mối liên quan giữa thực trạng tiêm phòng với các yếu tố nhân khẩu học. Các yếu tố liên quan đến thực tế tiêm phòng bao gồm: giới tính, tuổi và trình độ học vấn ( $p < 0,05$ ). Nữ giới có tỉ lệ đã tiêm vắc-xin HPV cao hơn nhiều so với nam giới với tỉ lệ đã tiêm là 89,96%, nhóm dưới 30 tuổi có tỉ lệ đã tiêm cao hơn nhóm trên 30 tuổi với tỉ lệ tiêm là 72,46%, nhóm có trình độ học vấn từ đại học trở lên có tỉ lệ đã tiêm cao hơn nhóm có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng và nhóm từ trung học phổ thông trở xuống với tỷ lệ 26,11%.

### 3.3. Một số yếu tố liên quan giữa kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu

**Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức tiêm phòng HPV ở đối tượng trưởng thành 18-45 tuổi và thực hành tiêm vắc-xin (n = 299)**

Thực trạng tiêm phòng HPV		Kiến thức		p-value
		Đạt	Chưa đạt	
Thực hành tiêm phòng HPV	Chưa tiêm	50 (68,49%)	23 (31,51%)	<b>0,049</b>
	Đã tiêm	180 (79,65%)	46 (20,35%)	
Giới thiệu cho mọi người	Có	67 (91,78%)	6 (8,22%)	<b>0,008</b>
	Không	176 (77,88%)	50 (22,12%)	

Bảng 5 cho thấy mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về tiêm phòng HPV. Các đối tượng có kiến thức đạt có tỉ lệ đã tiêm vắc-xin chiếm tỉ lệ cao với 79,65% và ở nhóm chưa đạt chỉ là 20,35% ( $p = 0,049$ ). Tỉ lệ giới thiệu vắc-xin cho những người khác ở nhóm đối tượng có kiến thức đạt chiếm tỉ lệ 91,78%, so với tỉ lệ nhóm chưa đạt chỉ là 8,22% ( $p = 0,008$ ).

#### 4. BÀN LUẬN

Tỉ lệ người trưởng thành trong độ tuổi 18-45 có kiến thức đầy đủ về tiêm phòng vắc-xin HPV ở nghiên cứu này là 24,41%, cao hơn so với nghiên cứu năm 2021 của Trần Tú Nguyệt và cộng sự với 18,1% phụ nữ từ 15-49 tuổi có kiến thức đầy đủ về tiêm phòng vắc-xin HPV [3]. Có thể thấy, những chương trình tuyên truyền, hướng dẫn của Bộ Y tế về lây nhiễm HIV những năm gần đây đã tác động tốt tới người dân ở Hà Nội, tuy nhiên tỉ lệ đối tượng có kiến thức chưa đầy đủ vẫn còn cao, chiếm tới 75,59%. Điều này đặt ra những thách thức cho việc kiểm soát HPV ở Việt Nam.

Phân tích đơn biến cho thấy, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân có mối liên quan đáng kể tới kiến thức về tiêm phòng HPV ( $p < 0,05$ ). Theo kết quả của nghiên cứu này, học vấn tỉ lệ thuận với kiến thức về HPV, một xu hướng tương đồng với kết quả nghiên cứu tại Trung Quốc [7]. Điều này do người có học vấn cao dễ tiếp cận, hiểu và đánh giá thông tin y tế chính xác hơn, giúp nâng cao nhận thức về vắc-xin HPV. Họ cũng có ý thức phòng bệnh tốt và chịu ảnh hưởng tích cực từ môi trường xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu này phát hiện người độc thân có tỉ lệ kiến thức đầy đủ cao hơn so với các nhóm khác. Điều này có thể do người độc thân có tỉ lệ kiến thức đầy đủ cao hơn có thể do họ chủ động tìm hiểu về sức khỏe sinh sản và phòng ngừa bệnh tật hơn so với người đã kết hôn. Ngoài ra, họ ít bị ảnh hưởng bởi quan niệm sai lầm rằng vắc-xin HPV không cần thiết sau khi đã quan hệ tình dục, dẫn đến việc tiếp cận thông tin chính xác hơn.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, một số yếu tố như giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn có sự liên quan đến thực hành tiêm HPV. Theo đó, nữ giới có xu hướng tiêm phòng vắc-xin HPV cao hơn nam giới, phù hợp với các nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của Lê Hữu Diễm Trinh [8] và nghiên cứu của Trần Xuân Bách [9] hay nghiên cứu của Yingnan Liu trên sinh viên đại học tại Bắc Kinh, Trung Quốc [10].

Đáng chú ý, kiến thức đầy đủ có sự ảnh hưởng nhất định đến hành vi của người dân đối với việc tiêm vắc-xin HPV ( $p = 0,049$ ). Tỉ lệ tiêm vắc-xin ở những đối tượng có kiến thức đầy đủ chiếm 79,65%, cao hơn so với nhóm đối tượng có kiến thức hạn chế liên quan tiêm phòng HPV (20,35%). Ngoài ra, đối tượng có kiến thức đạt cũng có xu hướng khuyến khích người khác tiêm phòng cao hơn (91,78% so với 8,22%,  $p = 0,008$ ). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Chiang và cộng sự (2016) tại Hồng Kông, trong đó kiến thức được xác định là yếu tố quan trọng dự báo quyết định tiêm chủng ở sinh viên đại học [11]. Tương tự, nghiên cứu của Tadege M và cộng sự (2022) tại Ethiopia cho thấy mức độ nhận thức cao của người dân có mối tương quan tích cực với sự gia tăng tỉ lệ tiêm phòng [12].

Cuối cùng, nghiên cứu của Tissot S và cộng sự (2022) đã nhấn mạnh rằng khuyến nghị trực tiếp từ nhân viên y tế có thể tác động tích cực đến quyết định tiêm vắc-xin của người dân [13]. Tuy nhiên, việc tư vấn tiêm chủng hiện nay vẫn chưa được triển khai rộng rãi, đặc biệt ở nhóm đối tượng người trưởng thành. Do đó, để tăng tỉ lệ tiêm phòng HPV trong cộng đồng, cần triển khai các chương trình truyền thông giáo dục và tư vấn tiêm chủng một cách hệ thống, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan y tế, các cơ quan Nhà nước có liên quan và các cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm chủng, nhằm mục đích nâng cao nhận thức và giảm thiểu các rào cản hiện tại đối với việc tiêm vắc-xin phòng HPV.

#### 5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm người trưởng thành trong độ tuổi 18-45 chưa có đủ kiến thức cần thiết về tiêm phòng vắc-xin HPV. Trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân là yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức tiêm phòng HPV. Ở nhóm đối tượng có đầy đủ kiến thức cần thiết có tỉ lệ tiêm vắc-xin đầy đủ hơn nhóm đối tượng thiếu kiến thức cần thiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] HPV and Cancer - NCI, <https://www.cancer.gov/about-cancer/causes-prevention/risk/infectious-agents/hpv-and-cancer>.
- [2] He J, He L, Knowledge of HPV and acceptability of HPV vaccine among women in

- western China: a cross-sectional survey, *BMC Womens Health*, 2018, 18 (1): 1-8, doi:10.1186/s12905-018-0619-8.
- [3] Trần Tú Nguyệt, Lê Thành Tài, Phan Thị Trung Ngọc, Kiến thức, thực hành tiêm vắc-xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ 15-49 tuổi tại thành phố Cần Thơ năm 2020-2021, *Tạp chí Dược học Cần Thơ*, 2021, (43): 264-271.
- [4] Goldstone S.E, Human papillomavirus (HPV) vaccine in adults: Learnings from long-term follow-up of quadrivalent HPV vaccine clinical trials. *Hum Vaccine Immunother*, 2023, 19 (1): 2184760, doi:10.1080/21645515.2023.2184760.
- [5] Ngô Thị Huyền, Kiến thức, thái độ và sự tuân thủ tiêm phòng vaccine HPV của sinh viên điều dưỡng và y đa khoa tại Trường Đại học Đại Nam, *Tạp chí Y học Việt Nam*, 2023, 529 (2): 25-255.
- [6] Lê Văn Hội, Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc-xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019, *Luận văn thạc sĩ y tế công cộng*, Trường Đại học Y Hà Nội, 2020.
- [7] Zhang X, Liu C rong, Wang Z zhen et al, Effect of a school-based educational intervention on HPV and HPV vaccine knowledge and willingness to be vaccinated among Chinese adolescents: a multi-center intervention follow-up study, *Vaccine*, 2020, 38 (20): 3665-3670, doi:10.1016/j.vaccine.2020.03.032.
- [8] Lê Hữu Diễm Trinh, Nguyễn Thúy Anh, Võ Trí Nam, Nguyễn Hoàng Nhi, Trần Tú Nguyệt, Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vắc-xin HPV ở học sinh trung học phổ thông Long Mỹ tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023, *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 2024, 72: 54-60.
- [9] Tran B.X, Than P.T.Q, Doan T.T.N et al, Knowledge, attitude, and practice on and willingness to pay for human papillomavirus vaccine: a cross-sectional study in Hanoi, Vietnam, *Patient Prefer Adherence*, 2018, 12: 945-954, doi:10.2147/PPA.S165357.
- [10] Li J, Li L.K, Ma J.F et al, Knowledge, practice and attitude towards HPV vaccination among college students in Beijing, China, *Hum Vaccin Immunother*, 2020, 16 (1): 116-123, doi:10.1080/21645515.2019.1649542.
- [11] Chiang V.C.L, Wong H.T, Yeung P.C.A et al, Attitude, Acceptability and Knowledge of HPV Vaccination among Local University Students in Hong Kong, *Int J Environ Res Public Health*, 2016, 13 (5): 486, doi:10.3390/ijerph13050486.
- [12] Tadege M, Mamuye K, Ayalew S, Balemual A, Taye B, Knowledge, attitude, and uptake of human papilloma virus vaccine and associated factors among female preparatory school students in Bahir Dar City, Amhara Region, Ethiopia, *Infect Drug Resist*, 2022, 15: 5411-5421, doi:10.2147/IDR.S374574.
- [13] Tissot S, Tschopp F, Lafuente-Lafuente C et al, HPV vaccine awareness, knowledge and information sources among youth in Switzerland: a mixed methods study, *Vaccine*, 2022, 40 (30): 4097-4103, doi:10.1016/j.vaccine.2022.05.010.